

Xây dựng nội dung môn khiêu vũ thể thao cho sinh viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

TS. Trịnh Ngọc Trung; ThS. Lê Thị Thanh Loan; ThS. Mai Thị Thanh Thủy ■

TÓM TẮT:

Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng nội dung môn Khiêu vũ thể thao cho sinh viên (SV) không chuyên Thể dục thể thao trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, học môn Giáo dục thể chất, với nội dung môn học hợp lý với đối tượng sinh viên, cơ sở vật chất của nhà trường, bước đầu thu được kết quả tốt.

Từ khóa: Xây dựng, giáo dục thể chất, Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

ABSTRACT:

Researching, building and applying the content of sports dance for non-sport students of Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism, physical education subject, with the subject content reason with the students, the school's facilities, initially obtained good results.

Keywords: Construction, physical education, Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, môn Khiêu vũ thể thao được du nhập vào Việt Nam và đã nhận được sự hưởng ứng của mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Khiêu vũ thể thao là một môn thể thao với hai dòng chính, đó là dòng Cổ điển với năm điệu nhảy như: Valse (Viennese Waltz), Valse hiện đại (Modern Waltz), Tango, Fox-trot chậm (Slow Foxtrot), Quẩy tép (Quickstep) và dòng Châu Mỹ La tinh mang đặc trưng của năm điệu nhảy: Samba, Rumba, Chachacha, Jive (Jive), Pasôđop (Pasodoble).

Song song với sự phát triển đó, khiêu vũ thể thao được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước. Khoa Thể dục thể thao (TĐTT) trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (ĐHVHTT&DLTH) với chức năng là đào tạo các cán bộ về lĩnh vực văn hóa thể thao, cán bộ quản lý TĐTT có trình độ cao về công tác TĐTT. Khiêu vũ



(Ảnh minh họa)

thể thao là một hoạt động vận động không có chu kỳ và rất đa dạng, phong phú, khó về kỹ thuật, cao về nghệ thuật, các bước phối hợp thường phức tạp, đòi hỏi sự khổ luyện đặc biệt với một trình độ thể lực đảm bảo cho hoạt động vận động khiêu vũ thể thao như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, độ dẻo và khả năng phối hợp cao.

Qua tìm hiểu và quan sát thực tiễn việc tập luyện và thi đấu khiêu vũ thể thao trong các nhà trường đại học trong những năm qua, chúng tôi nhận thấy tính tích cực của hoạt động này về mặt giáo dục đối với SV là sự nhiệt tình, hứng thú và hăng say trong tập luyện cũng như trong thi đấu.

Trường ĐHVHTT&DLTH đã tiến hành tổ chức cho SV học tập môn khiêu vũ thể thao. Nhưng việc ứng dụng nội dung tập luyện vẫn còn nhiều bất cập như: nội dung tập luyện, giáo án, phương pháp và phương tiện tập luyện còn chưa hợp lý nên hiệu quả khi học

môn khiêu vũ thể thao còn hạn chế, xuất phát từ lí do trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **“Xây dựng nội dung môn khiêu vũ thể thao cho sinh viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa”**.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, chuyên gia, TN sư phạm, toán thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy môn khiêu vũ thể thao cho SV trường ĐHVHTT&DLTH

2.1.1. Nghiên cứu xây dựng nội dung giảng dạy môn khiêu vũ thể thao.

Từ kết quả nghiên cứu lý thuyết, thông qua đọc và phân tích tài liệu tham khảo chúng tôi tiến hành phỏng vấn trực tiếp các giảng viên giảng dạy và các nhà quản lý về TDTT, về nội dung giảng dạy khiêu vũ thể thao. Nội dung phỏng vấn trực tiếp thông qua hỏi và trả lời rất phù hợp, phù hợp, không phù hợp đối với các kiến thức cần trang bị cho môn học đã thu thập được ở bước một. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, ở các nội dung khi được hỏi về việc xác định nội dung chi tiết ở tất cả các tiêu chí theo môn thể thao đã lựa chọn, đều có chung một quan điểm đồng nhất với các nghiên cứu lý luận đã thu thập được qua các tài liệu nghiên cứu. Kết quả phỏng vấn thấp nhất 91.7% cao nhất 98.3% số ý kiến lựa chọn là đồng ý, vậy có nghĩa là nội dung môn Khiêu vũ thể thao mà chúng tôi lựa chọn đều được các giáo viên và các nhà quản lý chuyên gia đánh giá cao và coi đây là nội dung cho môn học đã lựa chọn.

2.1.2. Thực nghiệm và đánh giá hiệu quả của nội dung khiêu vũ thể thao đã lựa chọn

Nhóm TN được chọn ngẫu nhiên 25 SV (12 nam và 13 nữ), khóa K2 và K3 trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Đánh giá kết quả TN về mặt thể lực chung, kết quả học tập, tinh thần tự giác của SV... Quá trình đánh giá kết quả chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh tự đối chiếu.

Kết quả được đánh giá trước và sau TN thông qua 6 test theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực của SV (theo quyết định số 53/2008/QĐ - BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo. Kết quả học tập thông qua điểm kết thúc cuối kỳ.

Bảng 1. Lựa chọn nội dung giảng dạy khiêu vũ thể thao (n = 20)

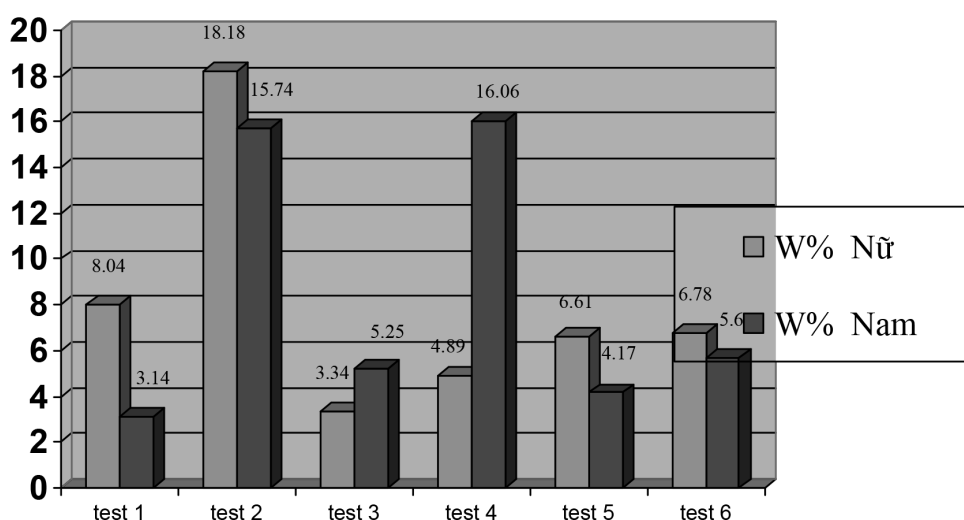
TT	Kiến thức cần trang bị	Kết quả phỏng vấn							
		Rất phù hợp (3 điểm)		Phù hợp (2 điểm)		Không phù hợp (1 điểm)		Tổng	
		n	Điểm	n	Điểm	n	Điểm	Điểm	%
1	Lý thuyết								
2	Lịch sử phát triển	19	57	1	2	0	00	59	98.3
3	Nguyên lý kỹ thuật	18	54	2	4	0	00	58	96.7
4	Kỹ, chiến thuật thi đấu	18	54	2	4	0	00	58	96.7
5	Luật thi đấu	17	51	3	6	0	00	57	95.0
6	Thực hành:								
7	Thực hành kỹ thuật vũ điệu chachacha								
8	Dáng điệu	19	57	1	2	0	00	59	98.3
9	Tư thế	16	48	4	8	0	00	56	93.3
10	Chuyển động cơ bản	18	54	2	4	0	00	58	96.7
11	Chuyển động tay, chân, hông	18	54	2	4	0	00	58	96.7
12	Chuyển động đôi	17	51	3	6	0	00	57	95.0
13	Kỹ thuật xoay	15	45	5	10	0	00	55	91.7
14	Bài chachacha quy định	19	57	1	2	0	00	59	98.3
15	Thực hành kỹ thuật vũ điệu Rumba								
16	Dáng điệu	19	57	1	2	0	00	59	98.3
17	Tư thế	15	45	5	10	0	00	55	91.7
18	Chuyển động cơ bản	18	54	2	4	0	00	58	96.7
19	Chuyển động tay, chân, hông	18	54	2	4	0	00	58	96.7
20	Chuyển động đôi	15	45	5	10	0	00	55	91.7
21	Kỹ thuật xoay	18	54	2	4	0	00	58	96.7
22	Bài Rumba quy định	18	54	2	4	0	00	58	96.7

Bảng 2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu thể lực của lớp khiêu vũ thể thao trước và sau TN (n = 25)
năm học 2015 - 2016

TT	Test/ Đối tượng	Trước TN		Sau TN		Sự khác biệt thống kê		
		$\bar{X}_d$	$\pm\delta_d$	$\bar{X}_d$	$\pm\delta_d$	t _{tính}	P	W%
Nam		(n = 12)		(n = 12)				
1	Lực bóp tay thuận (KG)	42.67	1.36	44.03	1.42	2.396	< 0.05	3.14
2	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30 s)	16.58	2.41	19.42	2.83	2.640	< 0.05	15.74
3	Bật xa tại chỗ (cm)	214.73	10.69	226.32	11.58	2.546	< 0.05	5.25
4	Chạy 30m XPC (s)	5.93	0.76	5.04	0.88	2.624	< 0.05	16.06
5	Chạy con thoi 4 x 10m(s)	12.42	0.49	11.92	0.51	2.486	< 0.05	4.17
6	Chạy tuỳ sức 5 phút (m)	927.61	50.64	981.68	54.07	2.529	< 0.05	5.66
Nữ		(n = 13)		(n = 13)				
1	Lực bóp tay thuận (KG)	25.78	2.16	27.94	2.87	2.168	< 0.05	8.04
2	Nằm ngửa gấp bụng (lần/30 s)	15.77	2.95	18.92	3.15	2.635	< 0.05	18.18
3	Bật xa tại chỗ (cm)	162.29	4.68	167.79	5.51	2.747	< 0.05	3.34
4	Chạy 30m XPC (s)	6.27	0.42	5.97	0.29	2.114	< 0.05	4.89
5	Chạy con thoi 4 x 10m (s)	13.02	0.72	12.18	0.83	2.731	< 0.05	6.61
6	Chạy tuỳ sức 5 phút (m)	859.08	58.63	919.40	60.31	2.585	< 0.05	6.78

Bảng 3. Kết quả học tập của SV sau thực nghiệm khiêu vũ thể thao

TT	Số sinh viên	Lý thuyết									
		Xuất sắc (10)		Giỏi (8 - 9)		Khá (7)		TB (5 - 6)		Dưới TB (1 - 4)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	25	1	4.00	3	12.00	11	44.00	10	40.00	0	%
Thực hành											
2	25	3	12.00	4	16.00	13	52.00	5	20.00	0	0%



Biểu đồ 1. Nhịp tăng trưởng SV sau TN khiêu vũ thể thao

Nhóm thực nghiệm (TN) nội dung kiểm tra bao gồm: Kiến thức (kiến thức chung, kiến thức chuyên môn), kỹ năng thực hành. Kết quả kiểm tra lý thuyết và thực hành. Kết quả TN sư phạm được trình bày cụ thể tại bảng 2, 3 và biểu đồ 1.

2.1.3. Đánh giá về tổ chức thể lực của SV

Sự phát triển tố chất thể lực qua các test đánh giá của nam và nữ SV ở lớp khiêu vũ thể thao, trước và sau TN thông qua so sánh tự đối chiếu tại các bảng 2 và bảng biểu đồ 1:

Sau khi kết thúc quá trình TN ở cả hai đối tượng nam và nữ SV, kết quả kiểm tra trình độ thể lực của

2 nhóm nam và nữ SV lớp Khiêu vũ thể thao sau TN đều có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê cần thiết với $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $p < 0.05$. Điều đó có nghĩa trình độ thể lực sau TN tốt hơn hẳn so với trước TN. Chứng tỏ rằng nội dung học tập môn khiêu vũ thể thao đã lựa chọn phát huy hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao thể lực cho đối tượng nghiên cứu.

So sánh diễn biến nhịp tăng trưởng kết quả kiểm tra các test đánh giá thể lực giữa 2 nhóm đối tượng nghiên cứu cho thấy: Nhịp tăng trưởng ở tất cả các nội dung kiểm tra sau TN của nam, nữ SV đều tăng cụ thể nam thấp nhất 3.14% cao nhất 16.06%. Nữ thấp nhất 3.34% cao nhất 18.18%. Như vậy sau 1 học kỳ TN nội dung môn khiêu vũ thể thao đã lựa chọn đã đem lại hiệu quả nhất định trong việc nâng cao tố chất thể lực cho đối tượng nghiên cứu.

2.1.4. Đánh giá về kết quả học tập của SV

Qua bảng 3 cho thấy kết quả học tập môn Khiêu vũ thể thao TN 25 SV 12 nam, 13 nữ (nội dung lý thuyết và thực hành) của SV cụ thể như sau:

Điểm xuất sắc phần điểm lý thuyết là 4% phần điểm thực hành là 12%, điểm giỏi phần điểm lý thuyết 12% phần điểm thực hành 16%, điểm khá phần điểm lý thuyết 44% phần điểm thực hành 52%, điểm trung bình phần điểm lý thuyết 40% phần điểm thực hành 20%, điểm dưới trung bình là 0%.

Phân tích kết quả thống kê về kết quả học tập của SV phần lý thuyết số SV có phần trăm tỷ lệ điểm thấp hơn phần thực hành ở các loại điểm xuất sắc, giỏi, khá, riêng trung bình tỷ lệ điểm thực hành thấp hơn điểm lý thuyết, điểm dưới trung bình cả lý thuyết và thực hành đều không có. Qua đó chúng ta cũng

thấy rằng SV học môn khiêu vũ thể thao đã lựa chọn phần lý thuyết kém hơn phần thực hành. Nhưng khả năng tiếp thu nội dung môn Khiêu vũ thể thao đã lựa chọn TN là rất có ý nghĩa, có sự hấp dẫn đối với người dạy và người học, SV có hứng thú cao khi học nội dung mới đã lựa chọn và cụ thể là điểm số của các em đạt tỷ lệ cao và không có em nào điểm dưới trung bình.

3. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu nội dung môn khiêu vũ thể thao cho SV trường ĐHVHTT&DLTH cho thấy:

Qua nghiên cứu lựa chọn và đánh giá trước và sau TN, đồng thời được thẩm định qua ý kiến lựa chọn của các nhà quản lý, giảng viên trực tiếp dạy và thông qua TN đã lựa chọn được nội dung môn khiêu vũ thể thao.

Nội dung môn học đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, tính hiệu quả, tính khả thi. Khối lượng kiến thức phù hợp với định hướng đào tạo, đảm bảo cho SV có thời gian để lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng, tuân thủ tính pháp lý về thời lượng được quy định tại chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông qua TN đánh giá nội dung môn khiêu vũ thể thao cho thấy, thể lực của SV nhóm TN so với nhóm ĐC đã có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê cần thiết với $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng $p < 0.05$, sự tăng trưởng về kết quả học tập. Như vậy nội dung môn khiêu vũ thể thao đã lựa chọn, đem lại hiệu quả cao cho môn học GDTC trong đào tạo SV trường ĐHVHTT&DLTH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngũ Duy Anh, Vũ Đức Thu (2004), "Một số giải pháp về GDTC góp phần nâng cao tâm vóc và thể trạng học sinh phổ thông giai đoạn 2004 - 2010", Tạp chí Khoa học TĐTT (3), tr 23-29.
2. Ngũ Duy Anh, Vũ Đức Thu (2006), "Định hướng chiến lược tăng cường sức khỏe học sinh trong nhà trường phổ thông các cấp đến năm 2010", Tuyển tập Nghiên cứu GDTC, y tế trường học lần thứ IV-2006, Nxb TĐTT Hà Nội.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb chính trị quốc gia, tr.99.
4. Vũ Thanh Mai, chủ biên (2011), Khiêu vũ thể thao, Giáo trình dùng cho sinh viên đại học TĐTT, Nxb TĐTT, Hà Nội,
5. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học, Nxb TĐTT, Hà Nội.

Trích nguồn: Luận án Tiến sĩ của của Trịnh Ngọc Trung với tên đề tài "Nghiên cứu nội dung môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá".

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25/11/2019; ngày phản biện đánh giá: 28/1/2020; ngày chấp nhận đăng: 23/2/2020)